

Số: /BC-CTK

Cần Thơ, ngày tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Năm và 5 tháng đầu năm 2023

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tháng Năm sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản diễn ra trong điều kiện thời tiết chuyển giao hai mùa mưa nắng nhưng không xảy ra dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và thủy sản. Lúa hè thu đang trong giai đoạn làm đồng sinh trưởng và phát triển tốt, giá phân bón, giá lúa tăng có lợi cho người sản xuất; giá sản xuất chăn nuôi heo đã có chuyển biến tích cực.

a) Nông nghiệp

Cây lúa: Tính đến ngày 15/5/2023, toàn thành phố đã gieo trồng lúa được 147.984 ha, giảm 0,72% thấp hơn so với cùng kỳ 1.068 ha so với cùng kỳ năm trước¹; đã thu hoạch dứt điểm 75.028 ha lúa đông xuân, ước năng suất 74,61 tạ/ha, sản lượng 559.752 tấn, giảm 0,76% so với cùng kỳ² do chuyển đổi sang diện tích cây lâu năm, đất giao thông, xây dựng nhà ở,... Diện tích gieo trồng lúa hè thu 72.956 ha, các giống chủ yếu là OM5451, OM18³, lúa đang phát triển tốt và giá lúa đang ở mức cao so với năm trước do lượng cầu trên thế giới tăng, giống OM18 ở mức 8.000 - 8.100 đồng/kg, OM5451 khoảng 7.900 - 8.100 đồng/kg.

Cây hàng năm khác: Tổng diện tích rau màu, đậu các loại và cây công nghiệp ngắn ngày gieo trồng được 9.297 ha, giảm 11,76% tương đương 1.239 ha so với cùng kỳ và thu hoạch được 5.761 ha.

Trong đó, rau đậu các loại gieo trồng được 7.199 ha, giảm 5,11%; cây ngô (bắp) gieo trồng được 551 ha, giảm 5,16% và cây màu khác được 1.547 ha, giảm 34,67% so với cùng kỳ năm trước⁴.

Giá bán các loại rau màu thời điểm này như sau: Dưa leo 8.000 đồng/kg, bầu, bí đao 4.000 đồng/kg, khổ qua 12.000 đồng/kg, mướp 5.000 đồng/kg, cà phôi 8.000 đồng/kg, đậu các loại 15.000 đồng/kg, dưa hấu 8.000 đồng/kg, ớt chỉ thiên 30.000 đồng/kg, đậu bắp 10.000 đồng/kg;...

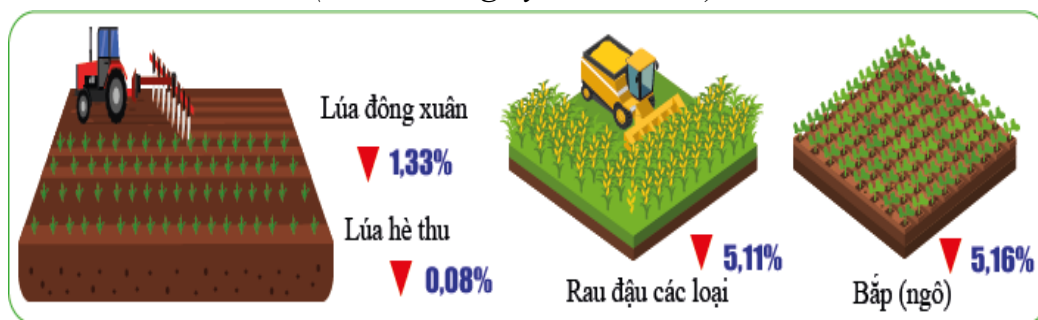
¹ Lúa đông xuân 75.028 ha giảm 1,33% hay 1.011 ha, lúa hè thu 72.956 ha giảm 0,08% hay 57 ha so với cùng kỳ năm trước.

² Diện tích lúa đông xuân 2021: 77.187, 2022: 76.039, 2023: 75.028 ha với năng suất, sản lượng lần lượt là: 74,54, 74,17, 74,61 tạ/ha và sản lượng 575.359, 564.007, 559.752 tấn.

³ Giống OM5451 chiếm 49%, OM18 chiếm 22%.

⁴ Diện tích gieo trồng cây màu tính đến 15/5/2022: cây ngô 581 ha; rau, đậu các loại 7.587 ha và cây màu khác 2.368 ha.

Hình 1. Diện tích gieo trồng một số cây hằng năm
(So với cùng kỳ năm trước)



Cây lâu năm: Tháng 5/2023, tổng diện tích trồng cây lâu năm ước đạt 26.030 ha, tăng 5,33% so cùng kỳ 2022. Trong đó, diện tích cây ăn quả 24.606 ha, chiếm 94,53% trong tổng diện tích cây lâu năm, tăng 6,13% so cùng kỳ năm 2022. Ngành Nông nghiệp tiếp tục hỗ trợ đầu tư đê bao khép kín, vận động nông dân xây dựng vườn cây ăn trái tập trung, chuyên canh.

Tình hình dịch bệnh có xảy ra trên một số cây trồng (bệnh rệp sáp, ruồi đục trái, chổi rồng;...). Tuy nhiên, đã được kiểm soát, xử lý bằng các giải pháp kỹ thuật kịp thời, nên đã khống chế sự bùng phát trên diện rộng.

Giá bán các loại trái cây tại vườn trong tháng 5/2023 như sau: Xoài cát Hòa Lộc khoảng 40.000 đồng/kg, xoài Đài Loan 6.000 đồng/kg, măng cầu Xiêm 12.000 đồng/kg, chuối 7.000 đồng/kg, ổi Ruby 15.000 đồng/kg, dừa khô 5.000 đồng/trái...Riêng sầu riêng Ri6 giá 50.000 - 56.000 đ/kg. Nguyên nhân giá các mặt hàng trái cây giảm do vào vụ thu hoạch chính vụ nhưng lực cầu giảm, nhất là xuất khẩu hạn chế.

Chăn nuôi: Trên địa bàn thành phố không xảy ra dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; tình hình chăn nuôi chuyển biến rõ nét về tổ chức sản xuất, chăn nuôi trang trại, tập trung theo chuỗi khép kín, an toàn sinh học; phát triển chăn nuôi theo quy trình VietGAHP⁵. Tháng 5/2022, số đầu con gia súc, gia cầm so với cùng kỳ và sản lượng tiêu thụ lũy kế 5 tháng cụ thể như sau:

Đàn trâu hiện có 278 con, giảm 0,71%, sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước 21 tấn, tăng 10,53% so cùng kỳ. Đàn bò 4.379 con, giảm 1,40%, sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 142 tấn, tăng 8,40% so với cùng kỳ.

Tổng đàn heo 125.693 con, giảm 0,36% so với cùng kỳ, lũy kế đến tháng 5/2022 có 101.340 con lợn xuất chuồng, ước sản lượng đạt 10.119 tấn tăng hơn cùng kỳ 8,04%. Đàn gia cầm 2.356 nghìn con, tăng 7,48%, sản lượng xuất chuồng 3.643 tấn, tăng 4,72% và sản lượng trứng gia cầm 43.930 nghìn quả, tăng 10,24% so với cùng kỳ, do giá cả gia cầm ổn định nên bà con tái đàn trở lại. Trong đó, sản lượng thịt gà xuất chuồng ước đạt 1.152 tấn, tăng 9,18% so với cùng kỳ; sản lượng trứng gà ước 2.986 nghìn quả, tăng 2,20% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, thành phố có 284 hộ nuôi chim Yến với 298 nhà yến và tổng đàn khoảng 178 nghìn con.

⁵ Thành phố hiện có 288 trang trại chăn nuôi, 4 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi, 9 mô hình đạt chứng nhận VietGAHP và 12 mô hình chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật).

Giá heo hơi sau thời gian giảm mạnh đã tăng trở lại, giá sản xuất gia cầm ổn định⁶.

b) Lâm nghiệp: Ước tính tháng 5/2023, toàn thành phố đã trồng được 85 nghìn cây phân tán; lũy kế 5 tháng khoảng 311 nghìn cây, giảm 3,12% so cùng kỳ. Sản lượng gỗ khai thác trong tháng được 320 m³, lũy kế 5 tháng khoảng 1.943 m³, giảm 5,03% so cùng kỳ năm trước.

c) Thủy sản: Tổng sản lượng thủy sản tháng 5/2023 ước đạt 23.287 tấn, lũy kế 5 tháng đạt 87.123 tấn, tăng 6,65% so cùng kỳ 2022. Trong đó, lũy kế sản lượng khai thác thủy sản nội địa 1.410 tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản nội địa lũy kế ước 85.713 tấn.

Sản lượng khai thác thủy sản nội địa tháng 5/2023 ước đạt 522 tấn, lũy kế đạt 1.410 tấn, tăng 5,90% so với lũy kế cùng kỳ năm 2022, do chính quyền các cấp vận động bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên, hạn chế một số công cụ đánh bắt và có chính sách thả nuôi, nhân giống thủy sản nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tự nhiên⁷.

Sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng 5/2023, ước đạt 22.765 tấn, lũy kế đạt 85.713 tấn, so với cùng kỳ 2022 tăng 6,66%. Trong đó sản lượng thu được từ cá nuôi nước ngọt lũy kế ước đạt 85.526 tấn, tăng 6,65%, tập trung chủ yếu ở cá tra 77.039 tấn, tăng 4,7% so cùng kỳ năm 2022.

Đến giữa tháng 5/2023, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản (không bao gồm diện tích sản xuất giống) ước đạt 2.773 ha, tăng 13,55% so với cùng kỳ năm 2022, tập trung chủ yếu ở cá thả nuôi ao mương, vườn. Trong đó, diện tích nuôi cá tra thâm canh, bán thâm canh ước đạt 569 ha, giảm 11,51% so cùng kỳ 2022 do còn một số hộ chờ cải tạo ao để thả vụ tiếp theo, mặt khác nhu cầu xuất khẩu giảm mạnh nên một số hộ chưa thả nuôi vụ mới, diện tích các loại cá còn lại (cá trê, cá rô, cá diêu hồng, cá chép, cá mè vinh...) thả nuôi lũy kế được 2.193 ha, tăng 22,65% so cùng kỳ.

So với tháng trước, giá cá tra nguyên liệu tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL 27.500 - 28.000 đồng/kg (kích cỡ 750 - 950 g/con) giảm 1.000 đồng so với tháng trước, giá thành bình quân 27.000 - 28.000 đồng/kg. Hiện tại dù giá cá tra nguyên liệu giảm nhưng nhu cầu mua cá tra giống phục vụ thả nuôi vẫn đáng kể, giá cá tra giống dao động từ 33.000 - 60.000 đồng/kg, tăng 4.500 đồng/kg so với tháng trước, cá giống kích cỡ 2 cm chiều cao thân - mẫu 30 con/kg giá từ 33.000 - 34.000 đồng/kg, giá cá giống 1,5 cm chiều cao thân - mẫu 70 con/kg giá từ 35.000 - 60.000 đồng/kg. Nuôi cá tra đang gặp khó do nguồn cầu thị trường xuất khẩu giảm dẫn đến giá mua nguyên liệu của nhà máy giảm, trong khi giá con giống cũng như giá thức ăn cho cá và giá các loại nguyên vật liệu

⁶ Giá heo hơi có sự biến động nhẹ và dao động ở mức từ 54.000 - 55.000 đồng/kg; giá trâu, bò hơi ổn định ở mức từ 70.000 - 75.000 đồng/kg; giá gà ta ở mức từ 85.000 - 90.000 đồng/kg; giá vịt hơi từ 43.000 - 46.000 đồng/kg; sữa bò tươi dao động từ 10.000 - 14.000 đồng/kg; trứng gà công nghiệp từ 2.400 - 2.600 đồng/quả; trứng gà ta 3.000 - 3.500 đồng/quả; trứng vịt dao động từ 2.500 - 2.800 đồng/quả.

⁷ Hoạt động được tổ chức nhân kỷ niệm 64 năm Ngày truyền thống ngành thủy sản Việt Nam (1/4/1959-1/4/2023), thực hiện thả cá về tự nhiên tại 08 điểm ở các quận/huyện trên địa bàn thành phố với các loài cá bản địa tại địa phương như cá rô, cá lóc, cá trê, cá hô, cá chạch, cá chép, cá hường.....tổng số 200.000 con cá giống các loại.

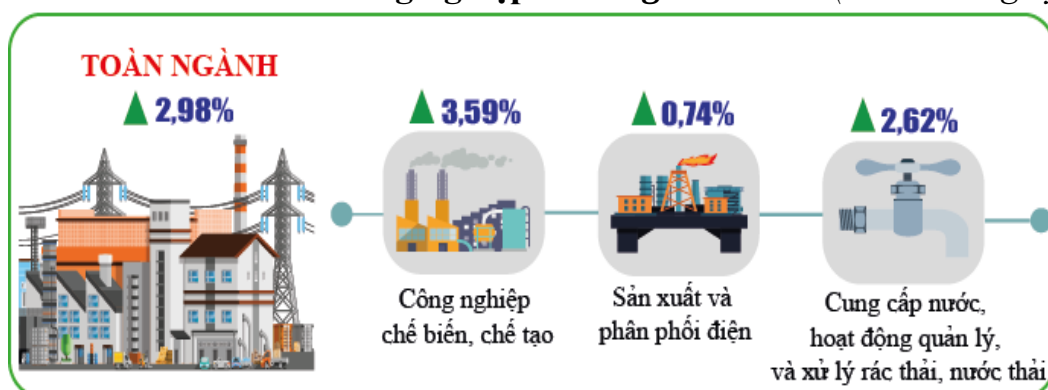
đầu vào khác còn khá cao. Tháng 5/2023, giá thức ăn có giảm so với tháng trước nhưng nhìn chung, giá nhiều loại thức ăn vẫn còn ở mức khá cao. Trong bối cảnh giá cá nguyên liệu, giá con giống cũng như giá thức ăn cho cá và giá các loại nguyên vật liệu đầu vào khác còn khá cao, nên rủi ro cho người nuôi rất cao. Các chuyên gia khuyến nghị người nuôi nên tổ chức liên kết lại thành tổ hợp tác nuôi hoặc liên kết lại thành HTX nuôi để tổ chức "mua chung, bán chung" để thuận lợi về mặt kinh tế khi mua vật tư, nguyên liệu đầu vào và bán cá thương phẩm cho các doanh nghiệp chế biến, tháo gỡ khó khăn cho người nuôi⁸.

2. Sản xuất công nghiệp

Cuối tháng Tư, đầu tháng 5 tại TP Cần Thơ tổ chức Lễ hội Bánh dân gian Nam bộ lần thứ X, có khoảng 300 gian hàng trưng bày giới thiệu các loại bánh dân gian, ẩm thực, ... từng bước xây dựng bánh dân gian trở thành đặc sản vùng, miền, quốc gia, tiến tới xuất khẩu sản phẩm; thu hút hàng trăm lượt khách đến thăm quan mua sắm và thưởng thức các loại bánh, từ đó làm tăng doanh thu của ngành thương mại cũng như tăng tiêu thụ cho ngành sản xuất công nghiệp.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tháng 5/2023, tăng 11,25% so tháng trước và tăng 9,61% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tăng 7,81%; ngành phân phối điện tăng 7,66% và ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý xử lý rác thải tăng 10,47% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng/2023, IIP ước tính tăng 2,98% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,59%, ngành phân phối điện tăng 0,74% và ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý xử lý rác thải tăng 2,62%.

Hình 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng năm 2023 (So với cùng kỳ)



Ước tính 5 tháng/2023, một số sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tăng cao so với cùng kỳ: Xay xát gạo tăng 27,72%; sản phẩm thức ăn gia súc tăng 8,52%; sản phẩm nước yến và nước bổ dưỡng khác tăng 46,61%; sản phẩm thuốc lá tăng 8,70%⁹; quần áo may sẵn tăng 23,93%; sắt thép tăng 33,10%¹⁰; sản phẩm đinh, đinh mũ, ghim dập tăng 76,05%;...

⁸ Tháng 5/2022, giá bán cá tra nguyên liệu dao động 30.000 - 32.000 đồng/kg, giá thành bình quân 26.000 - 27.000 đồng/kg. Giá cá tra giống giống kích cỡ 2 cm chiều cao thân - mẫu 30 con/kg giá từ 35.000 - 37.000 đồng/kg, giá cá giống 1,5 cm chiều cao thân - mẫu 70 con/kg giá từ 38.000 - 40.000 đồng/kg.

⁹ Tình hình tiêu thụ sản phẩm thuốc lá đang chuyển biến tốt hơn, số lượng đơn đặt hàng từ nhà phân phối nhiều hơn, công ty đẩy mạnh sản xuất để có đủ sản phẩm cung ứng cho các đối tác kinh doanh của đơn vị.

¹⁰ Thành phố khởi công nhiều công trình xây dựng cơ bản trọng điểm, thêm vào đó, nhiều đơn vị thi công các gói thầu xây lắp tranh thủ mùa khô đẩy nhanh tiến độ thực hiện tại các công trình, vì vậy các mặt hàng phục vụ hoạt động cho ngành xây dựng tăng cao.

Ở chiều ngược lại, còn khá nhiều sản phẩm giảm so với cùng kỳ, cụ thể: Tôm đông lạnh giảm 35,13%; bia đóng lon giảm 19,61%, bao và túi dùng để đóng gói hàng từ nguyên liệu dệt khác giảm 13,12%; thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn) giảm 28,59%;... Một số công ty sản xuất và chế biến thủy sản vẫn còn thiếu nguồn nguyên liệu; doanh nghiệp xuất khẩu tôm vẫn chưa ký được hợp đồng mới, do tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, mặt hàng tôm là thuộc nhóm thực phẩm đắt đỏ, vì vậy tiêu thụ giảm. Để giảm chi phí, một số phân xưởng đã giảm giờ làm của người lao động.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 5/2023 ước tăng 3,49% so với tháng cùng kỳ và giảm 5,90% so với tháng trước, ước tiêu thụ 5 tháng năm 2023 tăng 9,42% so với cùng kỳ.

Một số ngành có mức tiêu thụ tăng cao so với cùng kỳ, cụ thể: Xay xát và sản xuất bột thô tăng 12,92% so với cùng kỳ; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản tăng 9,04%; may trang phục (trừ trang phục từ da và lông thú) tăng 55,76%; sản xuất giày dép tăng gần 3 lần; in ấn tăng 37,74%¹¹; sản xuất sắt, thép tăng 47,21%;... Bên cạnh đó, một số ngành có mức tiêu thụ ước giảm so với cùng kỳ như: Chế biến và bảo quản thủy sản giảm 1,00%; sản xuất bia giảm 20,32%; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng giảm 8,51%; sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) giảm 12,04%; sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa giảm 27,14%; sản xuất thuốc tây giảm 24,86%; sản xuất sản phẩm từ plastic giảm 1,44%;...

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tại thời điểm 01/5/2023, tăng 50,46% so với tháng cùng kỳ và giảm 2,43% so với tháng trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với cùng kỳ như: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản tăng 51,16%; xay xát tăng 16,07%; sản xuất bia tăng 129,49%; may trang phục (trừ trang phục từ da và lông thú) tăng 29,95%; sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa tăng 48,16%; sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao tăng 14,01%;... Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều ngành có chỉ số tồn kho giảm so với tháng trước, như: Sản xuất thuốc lá; sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); sản xuất sắt thép; ...

Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp ước tháng 5/2023 tăng 0,71% so với tháng trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 0,1%; doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 0,58% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 0,96%.

3. Đầu tư

a) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước

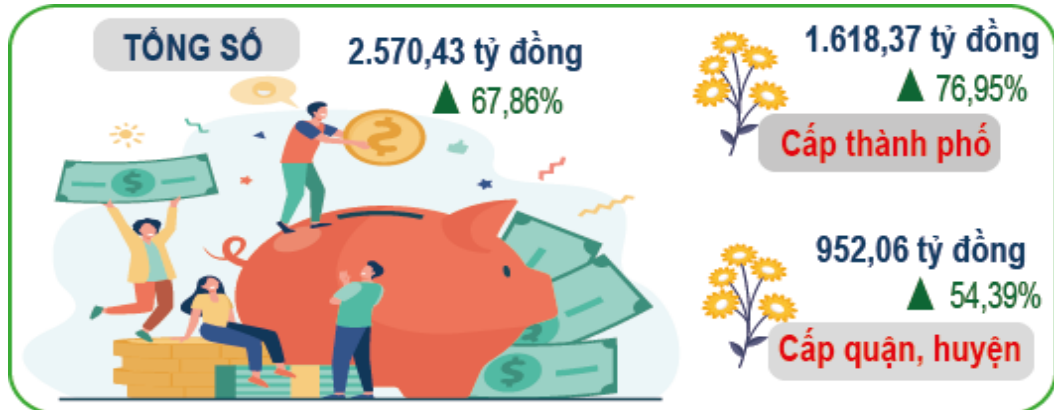
Tình hình thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý, ước tháng 5 năm 2023 ổn định, tiến độ thực hiện một số công trình vẫn đảm bảo kế hoạch đề ra và để phục vụ cho lễ khởi công khu công nghiệp VSIP sắp tới, nhà thầu một số dự án thực hiện bằng nguồn vốn

¹¹ Doanh nghiệp hoạt động ngành in ấn ký được hợp đồng cung ứng sản phẩm ngành in cho đối tác, vì vậy sản lượng tiêu thụ ngành in tăng đáng kể.

ngân sách đã làm việc liên tục ngay trong dịp lễ vừa qua, như dự án tuyến đường nối từ Quốc lộ 80 vào khu công nghiệp.

Vốn đầu tư thực hiện tháng 5/2023 ước đạt 608,19 tỷ đồng, tăng 10,32% so với tháng trước và tăng 80,88% so cùng kỳ năm 2022. Tính chung 5 tháng/2023, vốn đầu tư thực hiện ước đạt 2.570,43 tỷ đồng, bằng 32,14% kế hoạch năm và tăng 67,86% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố đạt 1.618,37 tỷ đồng, bằng 26,48% kế hoạch năm và tăng 76,95% so với cùng kỳ năm trước; vốn ngân sách nhà nước cấp quận, huyện đạt 952,06 tỷ đồng, bằng 50,46% kế hoạch năm và tăng 54,39% so với cùng kỳ.

Hình 3. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý 5 tháng năm 2023 (so với cùng kỳ năm trước)



Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm và dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau:

Dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố

(1) Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ, đây là một trong hai dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ do Ban Quản lý dự án đầu tư làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư là 9.845 tỷ đồng, được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn kế hoạch năm 2023 là 1.837 tỷ đồng. Dự án có tổng chiều dài khoảng 37,42 km, trong đó đoạn đi qua thành phố Cần Thơ có chiều dài khoảng 13,8 km, qua 3 huyện là: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ và Thới Lai. Hiện nay chủ đầu tư vẫn đang phối hợp với UBND 3 huyện để tiến hành chi trả bồi thường, hỗ trợ di dời cho các trường hợp bị ảnh hưởng, UBND các huyện đang tiến hành ban hành quyết định thu hồi đất. Tiến độ giải phóng mặt bằng đoạn ngang tỉnh Sóc Trăng đạt kế hoạch đề ra, dự kiến khởi công vào cuối tháng 6/2023, phần đấu bàn giao 70% mặt bằng trước ngày khởi công và bàn giao diện tích mặt bằng còn lại trước ngày 31/12/2023.

(2) Dự án thành phần đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đoạn ngang thành phố Cần Thơ - Hậu Giang, đây cũng là một trong 2 dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố, thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang có tổng mức đầu tư hơn 10.370 tỷ đồng và chỉ có 1 gói thầu xây lắp. Sau hơn 3 tháng triển khai thi công, hiện tại các đơn vị thi công

đã tập trung nhân lực và vật lực tại các mũi thi công, tranh thủ mùa khô đẩy nhanh tiến độ tại gói thầu xây lắp. Tuy nhiên, các đơn vị thi công đang gặp khó khăn do thiếu nguồn vật liệu cát phục vụ san lấp bị thiếu hụt, nếu tình trạng này kéo dài sẽ ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành dự án..

Một số Dự án trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố

(1) *Dự án phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị (dự án 3)*, đây là 1 trong 8 dự án trọng điểm theo Quyết định của Ban Thường vụ thành phố (*Quyết định số 743-QĐ/TU ngày 16/9/2023*). Dự án có tổng mức đầu tư hơn 9.167 tỷ đồng (đã điều chỉnh), được thực hiện bằng nguồn vốn ODA, do Ban quản lý ODA thành phố Cần Thơ làm chủ đầu tư. Kế hoạch vốn năm 2023 được giao 1.897,02 tỷ đồng. Hiện nay, đơn vị thi công các gói thầu đang quyết liệt thực hiện để kịp hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

Công trình cải tạo đường Hoàng Quốc Việt, đơn vị thi công đang tập trung máy móc thiết bị, nhân lực thi công các hạng mục còn lại trên tuyến từ đường Nguyễn Văn Cừ đến cầu Cái Sơn và thảm nhựa những vị trí đã cải tạo nâng cấp. Đoạn nút giao đường Nguyễn Văn Cừ và nút giao quốc lộ 91B đã được triển khai.

Công trình cải tạo cống thoát nước trên 32 tuyến đường nội ô thành phố, hiện tại đã thi công 22/32 tuyến, đã thảm nhựa trả lại mặt bằng phục vụ giao thông được 9 tuyến, số còn lại đang thực hiện hạng mục lấp hố đào để hoàn chỉnh hệ thống cống.

Công trình xây dựng kè cặp sông Cần Thơ đã hoàn thành khoảng 70% tiến độ, đơn vị thi công đang khẩn trương hoàn thành các hạng mục còn lại, phân đầu sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2023.

(2) *Dự án đường Vành đai phía Tây nối liền quốc lộ 91 và quốc lộ 61C*, đây là 1 trong 8 dự án trọng điểm theo quyết định của Ban thường vụ thành phố, dự án do Sở Giao thông vận tải thành phố làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư 3.837,7 tỷ đồng, đây là dự án thuộc nhóm A loại dự án công trình đô thị. Kế hoạch vốn năm 2023 được giao 475,13 tỷ đồng. Dự án có chiều dài toàn tuyến trên 19 km, trong đó điểm đầu giao với quốc lộ 91 và đường tỉnh 922, điểm cuối giao với quốc lộ 61C, trên tuyến có 49 cây cầu. Hiện nay các đơn vị thi công tập trung máy móc thiết bị ưu tiên thi công công trình cầu, một số công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng như đường dây điện và hệ thống cấp thoát nước vẫn chưa được bồi thường, hỗ trợ di dời.

(3) *Dự án Bệnh viện Ung Bướu thành phố Cần Thơ*, đây là 1 trong 8 dự án trọng điểm theo Quyết định của Ban Thường vụ thành phố, dự án có tổng mức đầu tư là 1.727,9 tỷ đồng được thực hiện bằng nguồn vốn ODA do Sở Y tế thành phố làm chủ đầu tư. Hiện tại, dự án vẫn còn đang tạm dừng thi công để thống nhất lại một số điều khoản trong hợp đồng giữa đơn vị tài trợ và chủ đầu tư, đây là một trong những dự án chậm tiến độ của thành phố.

(4) *Dự án cải tạo, mở rộng 5 nút giao thông trọng điểm trên địa bàn thành phố*, đây là 1 trong 8 dự án trọng điểm theo quyết định của Ban thường vụ

thành phố, dự án có tổng mức đầu tư hơn 2.065 tỷ đồng, dự án đang trong giai đoạn lựa chọn phương án thực hiện.

(5) *Dự án xây dựng Khu hành chính thành phố Cần Thơ*, đây là 1 trong 8 dự án trọng điểm theo Quyết định của Ban Thường vụ thành phố, khu hành chính tập trung có diện tích 10.000 m². Hiện tại đã cơ bản hoàn thành công tác bồi hoàn giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư. Hiện nay, UBND thành phố đang xem xét đề án quy hoạch tỷ lệ 1/500, dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2023 - 2025.

(6) *Công trình xây dựng kè sông Ô Môn* (đoạn từ Rạch Vàm đến bến đò Tầm Vu phường Thới An), dự án có tổng mức đầu tư hơn 110 tỷ đồng, do Chi cục Thủy Lợi làm chủ đầu tư. Sau hơn 2 năm tập trung thi công, công trình vừa hoàn thành và đưa vào sử dụng trong dịp Lễ 30/4 vừa qua.

(7) *Dự án xây dựng cầu Tây Đô*, dự án có tổng mức đầu tư là 208 tỷ đồng, do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư, kế hoạch vốn năm 2023 được giao là 30 tỷ đồng, dự án có chiều dài trên 140 m, gồm 2 nguyên đơn, 4 làn xe. Sau khi thông xe đơn nguyên 1, hiện tại đơn vị thi công đang tập trung thi công nguyên đơn 2, dự kiến sẽ thông xe vào dịp lễ 2/9 sắp tới.

(8) *Tuyến đường nối từ quốc lộ 80 vào khu công nghiệp VSIP Vĩnh Thạnh*, dự án có tổng mức đầu tư trên 172 tỷ đồng, do UBND huyện Vĩnh Thạnh làm chủ đầu tư, dự án có chiều dài 572 m, ngang 80 m. Dự án vừa được khởi công trong những ngày cuối tháng tư vừa qua, hiện tại đơn vị thi công đang làm tuyến đường tạm vào sân lễ khởi công để phục vụ lễ khởi công khu công nghiệp dự kiến trong tháng 6.

(9) *Đường nối từ đường dẫn cầu Vàm Cống vào khu công nghiệp VSIP Vĩnh Thạnh*, dự án có tổng mức đầu tư là 384 tỷ đồng, do UBND huyện Vĩnh Thạnh làm chủ đầu tư, kế hoạch vốn năm 2023 là 122 tỷ đồng, dự án đang trong giai đoạn lập, hoàn thiện, thẩm định hồ sơ thiết kế.

Ngoài những dự án nêu trên, thành phố còn 3 dự án trọng điểm đã được phê duyệt hoặc trong giai đoạn chuẩn bị và hoàn thiện thủ tục ban đầu sẽ khởi công trong thời gian tới, cụ thể: Dự án xây dựng Trụ sở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, Dự án xây dựng Thư viện thành phố Cần Thơ, Xây dựng hạ tầng cho trung tâm điều hành thông minh IOC.

b) Thu hút vốn trực tiếp nước ngoài (FDI)

Trong tháng Năm, thành phố chưa có dự án được cấp mới. Lũy kế 05 tháng, cấp mới 1 dự án ngoài khu công nghiệp, vốn đăng ký 0,04 triệu USD. Có 03 dự án điều chỉnh tăng vốn đầu tư (02 dự án trong khu công nghiệp tăng 44,6 triệu USD, 01 dự án ngoài khu công nghiệp tăng 0,01 triệu USD). Chấm dứt hoạt động 01 dự án ngoài khu công nghiệp, vốn đăng ký 01 triệu USD. Trên địa bàn thành phố hiện nay có 86 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 2.266,92 triệu USD (Trong khu công nghiệp: 29 dự án, tổng vốn đăng ký 608,78 triệu USD; Ngoài khu công nghiệp: 57 dự án, tổng vốn đăng ký 1.658,14 triệu USD).

c) Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tháng 5/2023, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 91 doanh nghiệp các loại hình, với tổng vốn đăng ký 1.185,4 tỷ đồng. Lũy kế 5 tháng đầu 2023, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 689 doanh nghiệp, đạt 34,45% KH; tổng vốn đăng ký hơn 4.606,9 tỷ đồng, đạt 32,9%KH. So cùng kỳ năm 2022, số doanh nghiệp đăng ký giảm 14,19% và số vốn đăng ký mới tăng 1,26%.

d) Công tác giải ngân

Đầu tư xây dựng cơ bản đến ngày 22/5/2023: Kết quả giải ngân kế hoạch các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ là 2.564,102/9.337,27 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 27,5% KH. Trong đó, các nguồn vốn đầu tư công do thành phố quản lý giải ngân 1.959,9/8.082,132 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 24,2% KH năm 2023. Cấp thành phố giải ngân đạt 19% KH; cấp quận huyện giải ngân đạt 41,1% KH. Giải ngân chi tiết một số nguồn vốn: Tiền sử dụng đất 40%, Xổ số kiến thiết 32,8%, Cân đối ngân sách địa phương 34,2%, Trung ương bổ sung có mục tiêu 20,3%,...

4. Thương mại, dịch vụ, du lịch

Tình hình hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn gặp nhiều thuận lợi do hầu hết các siêu thị, trung tâm thương mại đều thực hiện các chương trình khuyến mại giảm giá nhằm kích cầu trong tiêu dùng. Bên cạnh đó, các hoạt động mua sắm trực tuyến ngày càng phổ biến hơn do việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp người tiêu dùng lựa chọn được các sản phẩm tốt và ít tốn thời gian di chuyển đến các cửa hàng. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng nhẹ so tháng trước (+3,93%); lưu trú và ăn uống (+4,49%); du lịch lữ hành (+17,92%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tính chung 5 tháng năm 2023 tăng 13,47% so với cùng kỳ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Năm, ước tính đạt 10.057,91 tỷ đồng, tăng 4,80% so với tháng trước và tăng 13,57% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng/2023, ước đạt 48.375,96 tỷ đồng, tăng 13,47% so với cùng kỳ. Chia theo ngành hoạt động:

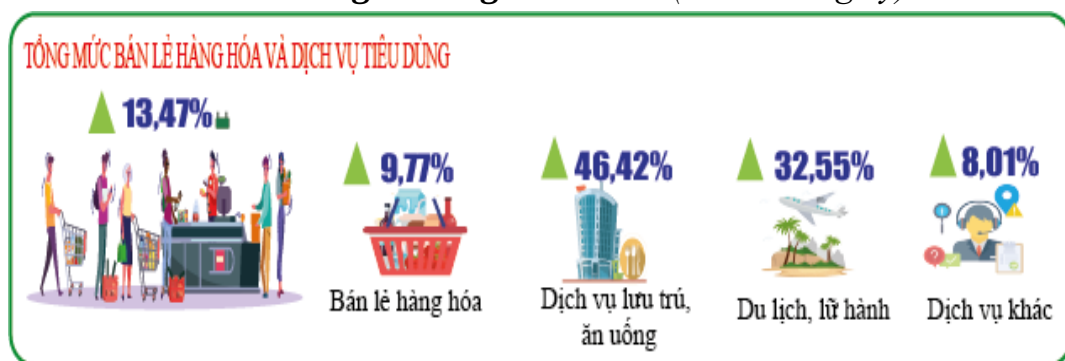
Bán lẻ hàng hóa: Tháng 5/2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 7.204,81 tỷ đồng, tăng 3,93% so với tháng trước, tăng 8,33% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tiếp tục tăng trưởng khá tốt do nhu cầu sản xuất kinh doanh ở hầu hết các ngành hàng đều tăng doanh thu so với tháng trước; nhưng so với cùng kỳ có 2 nhóm ngành hàng giảm doanh thu (Gỗ và vật liệu xây dựng giảm 5,69%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm giảm 17,74%). Tính chung 5 tháng/2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 35.394,22 tỷ đồng, tăng 9,77% so cùng kỳ. Các ngành đều tăng so cùng kỳ năm 2022, cụ thể: Hàng may mặc tăng 13,84%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 12,19%; phương tiện đi lại tăng 19,42%; nhiên liệu khác tăng 21,29%; hàng hóa khác tăng 74,32%; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ tăng 31,17%;...Bên cạnh đó, ngành hàng vàng, bạc và đá quý và sản phẩm giảm 3,44% so với cùng kỳ năm trước, do đây là nhóm mặt hàng không thiết yếu nên việc chi tiêu mua sắm có phần hạn chế hơn các sản phẩm khác.

Lưu trú, ăn uống: Các ngành dịch vụ hoạt động sôi nổi trở lại từ đầu năm 2023, đến các dịp lễ 30/4, 01/5. Doanh thu lưu trú, ăn uống tháng 5/2023 ước đạt 1.442,10 tỷ đồng, tăng 4,49% so với tháng trước, tăng 51,50% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng/2023, doanh thu lưu trú, ăn uống ước đạt 6.624,98 tỷ đồng, tăng 46,42% so với cùng kỳ. Trong đó, dịch vụ lưu trú ước đạt 829,04 tỷ đồng, tăng 20,28% so với cùng kỳ và dịch vụ ăn uống ước đạt 5.795,95 tỷ đồng, tăng 39,72% so với cùng kỳ năm trước.

Du lịch lữ hành: Các khu du lịch sinh thái trên địa bàn thành phố Cần Thơ mở rộng quy mô và dịch vụ vui chơi để đón đông đảo lượng khách đến tham quan, trải nghiệm trước và trong lễ 30/4, 01/5 và chuẩn bị đón khách dịp hè 2023. Doanh thu du lịch lữ hành tháng 5 năm 2023 ước đạt 31,79 tỷ đồng, tăng 17,92% so với tháng trước, tăng 34,70% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng/2023, doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 124,98 tỷ đồng, tăng 32,55% so với cùng kỳ.

Dịch vụ khác: Doanh thu dịch vụ khác ước tháng 5/2023 đạt 1.379,21 tỷ đồng, tăng 9,65% so với tháng trước và tăng 12,13% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng/2023, ước đạt 6.231,78 tỷ đồng, tăng 8,01% so với cùng kỳ.

Hình 4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 5 tháng năm 2023 (so với cùng kỳ)



5. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Vừa qua, thời gian nghỉ lễ kéo dài, các nhà sản xuất, nhà kinh doanh và các tiểu thương đã tăng cường lượng hàng hóa, nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu mua sắm của người dân. Các hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại đã tăng cường tổ chức các chương trình khuyến mãi, giảm giá lớn nhằm tăng doanh số bán hàng cũng như phục vụ người tiêu dùng. Thị trường tiêu thụ tại các chợ dân sinh, nguồn hàng hóa cũng khá phong phú, đa dạng, giá cả có nhiều loại hàng hóa cũng có tăng, giảm do phụ thuộc vào nguồn hàng.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Năm giảm 0,13% so với tháng trước; tăng 0,62% so với cùng kỳ năm trước, tăng 0,69% so với tháng 12 năm trước. CPI bình quân 5 tháng đầu năm tăng 1,38% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Trong tháng Năm, có 6/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng có chỉ số giá tăng so với tháng trước: Đồ uống và thuốc lá tăng 0,75%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,66%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,88%; Giáo dục tăng 0,11%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,14%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,05%. Có 3/11 nhóm hàng có chỉ số CPI giảm so với tháng

trước: May mặc, mũ nón và giày dép giảm 0,02%; Giao thông giảm 3,58%; Bưu chính viễn thông giảm 0,56%. Hai nhóm hàng hóa: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống; Thuốc và dịch vụ y tế có chỉ số giá không thay đổi so với tháng trước.

Hình 5. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5 năm 2023



Các nguyên nhân tác động đến giá CPI tháng 5 năm 2023

Chỉ số trong tháng giảm 0,13% so với tháng trước chủ yếu do nhóm hàng giao thông, đặc biệt là nhóm hàng xăng dầu giảm 7,14%. Sự trượt dốc của giá dầu thế giới chịu tác động bởi bế tắc chính trị liên quan đến trần nợ của Chính phủ Mỹ, khủng hoảng ngân hàng ở Mỹ vẫn chưa có dấu hiệu thuyên giảm cùng số đơn xin trợ cấp thất nghiệp ở nước này gia tăng. Cùng với đó, dữ liệu kinh tế cho thấy lạm phát ở Mỹ vẫn ở mức cao, củng cố khả năng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) có khả năng tăng lãi suất hơn nữa để kiềm chế lạm phát. Thêm nữa, bức tranh kinh tế phục hồi chậm hậu Covid-19 của Trung Quốc và mức tiêu thụ nhiên liệu còn hạn chế của nước này đã khiến giá dầu đi xuống. Ngoài ra, sự lao dốc không phanh của giá dầu còn có nguyên nhân từ sự mạnh lên của đồng USD do sự không chắc chắn xung quanh trần nợ và chính sách tiền tệ của Mỹ. Những yếu tố trên làm ảnh hưởng đến giá xăng dầu trong nước.

Sau 2 lần điều chỉnh (vào ngày 4/5, 11/5); đến ngày 22/5, mỗi lít xăng tăng 350-490 đồng/lít lên gần 21.500 đồng; các mặt hàng dầu (trừ dầu hỏa) cũng tăng 290-300 đồng/lít. Như vậy sau hai lần giảm liên tiếp, giá xăng dầu trong nước có đợt tăng trở lại, nguyên nhân tăng là do thị trường xăng dầu thế giới tăng do ảnh hưởng từ động thái giảm sản lượng của OPEC+, lo ngại về trần nợ công Mỹ, công nghiệp đình trệ và lãi suất cao làm tăng nguy cơ suy thoái kinh tế. Điều này đã tác động đến giá xăng dầu trong nước.

Từ ngày 01/5, giá gas tăng 167 đồng/kg (đã VAT), tương đương tăng 2.000 đồng/bình 12 kg. Với mức tăng này, giá bán lẻ gas SP đến tay người tiêu dùng sẽ ở mức 401.000 đồng/bình 12kg. Nguyên nhân tăng do giá CP bình quân tháng 5 tăng 5 USD/tấn so với tháng 4, lên mức 555 USD/tấn. Theo đó, nhiều doanh nghiệp kinh doanh gas thông báo điều chỉnh giảm giá mặt hàng này. Hiện, nguồn gas trong nước đang nhập khẩu khoảng 60% nên giá gas bị chi phối và ảnh hưởng bởi giá thế giới.

Giá điện sinh hoạt tăng 3,44%, giá nước sinh hoạt tăng 1,04% do nhu cầu sử dụng cao trong thời tiết nắng nóng kéo dài. Các thiết bị làm mát được người dân sử dụng tối đa kéo theo lượng điện năng tiêu thụ tăng cao đã tác động làm chỉ số giá điện tăng. Đối với giá nước cũng tăng do nhu cầu sử dụng tăng.

Chỉ số giá vàng: Tăng 1,36% so với tháng trước, tăng 2,36% so với cùng tháng năm trước, tăng 5,51% so với tháng 12 năm trước. Ngân hàng trung ương các nước tăng mua vàng, thông tin nguy cơ vỡ nợ trần Mỹ... khiến giá vàng thế giới đứng ở mức cao vì thế giá vàng trong nước cũng bám sát với sự biến động thế giới. Đồng thời, giá vàng tăng còn do USD suy yếu và thị trường tài chính Mỹ đứng trước hai cuộc khủng hoảng liên tiếp. Tại thời điểm khảo sát ngày 21/5, trên sàn giao dịch của Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn SJC, vàng SJC là 66,70 triệu đồng/lượng mua vào và 67,40 triệu đồng/lượng bán ra; Còn tại Công ty Vàng bạc đá quý Phú Quý, thời điểm khảo sát niêm yết giá vàng SJC ở mức 66,65 - 67,25 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra). Giá vàng 9999 được DOJI được niêm yết ở mức 66,65 triệu đồng/lượng mua vào và 67,20 triệu đồng/lượng bán ra. Giá vàng nhẫn sjc ngày 21/5/2023 trên địa bàn thành phố dao động quanh mức 5.680.000 đồng/chỉ.

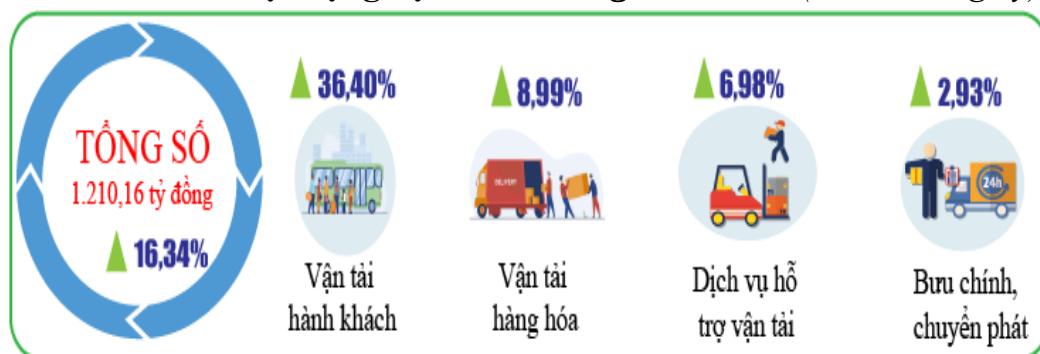
Chỉ số giá đô la Mỹ: Giảm 0,04% so với tháng trước, tăng 1,99% so với cùng tháng năm trước, giảm 2,33% so với tháng 12 năm trước. Giá đô la Mỹ giảm do nguồn USD trên thị trường dồi dào, trong khi nhu cầu ngoại tệ không cao đã khiến giá USD giảm thấp. Đồng thời, giá USD giảm còn do các nhà giao dịch lo ngại rằng tình trạng hỗn loạn tiếp diễn trong hệ thống ngân hàng Mỹ có thể dẫn đến việc Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) sẽ cắt giảm lãi suất sớm hơn dự kiến. Giá đô la Mỹ ngày 21/5/2023 dao động quanh mức 23.660 đồng/USD.

6. Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông

Hoạt động vận tải vẫn đảm bảo được mức tăng trưởng ổn định, song hành giữa công tác phòng chống dịch và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, Tháng 5/2023, tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát, tăng 2,59% so tháng trước, tăng 13,25% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng/2023 tăng 16,34% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 5/2023, tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát ước đạt 245,10 tỷ đồng, tăng 2,59% so tháng trước, tăng 13,25% so cùng kỳ, cụ thể: Vận tải hành khách đạt 101,31 tỷ đồng, giảm 1,17% so tháng trước, tăng 19,47% so với cùng kỳ; vận tải hàng hóa đạt 91,29 tỷ đồng, tăng 6,31% so tháng trước, tăng 9,10% so với cùng kỳ; dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 47,77 tỷ đồng, tăng 5,07% so tháng trước, tăng 11,33% so với cùng kỳ; dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 4,73%, giảm 6,67% so tháng trước, giảm 6,32% so với cùng kỳ.

Tính chung 5 tháng/2023, tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát ước đạt 1.210,16 tỷ đồng, tăng 16,34% so với cùng kỳ, cụ thể: Vận tải hành khách đạt 408,53 tỷ đồng, tăng 36,40% so cùng kỳ; vận tải hàng hóa đạt 558,68 tỷ đồng, tăng 8,99%; dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 215,85 tỷ đồng, tăng 6,98%; dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 27,10 tỷ đồng, tăng 2,93%.

Hình 6. Hoạt động vận tải 5 tháng năm 2023 (So với cùng kỳ)

Vận tải hành khách: Số lượt hành khách vận chuyển trong tháng 5/2023 ước đạt 1.440,54 nghìn hành khách, giảm 0,06% so với tháng trước và tăng 6,32% so với cùng kỳ. Số lượt hành khách luân chuyển đạt 120.167,71 nghìn hành khách.km, giảm 0,07% so tháng trước, tăng 22,02% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng/2023, số lượt hành khách vận chuyển ước đạt 7.888,36 nghìn hành khách, tăng 22,66% so với cùng kỳ. Số lượt hành khách luân chuyển đạt 676.339,13 nghìn hành khách.km, tăng 15,37% so với cùng kỳ. Vận tải hành khách có nhiều tuyến xe chạy hoạt động tốt để phục vụ cho lượng khách du lịch đến Cần Thơ trong dịp nghỉ lễ ngày 30/4 và 01/5, cũng như khách đi du lịch, nghỉ dưỡng;...

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 5/2023, ước đạt 385,07 nghìn tấn, tăng so với tháng trước và tăng so với cùng kỳ lần lượt là 4,08%; 7,83%. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 58.955,32 nghìn tấn.km, tăng 6,39% so tháng trước, tăng 18% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng/2023, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước tính đạt 2.534,93 nghìn tấn, tăng 9,11% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 372.293,35 nghìn tấn.km, tăng 10,93% so với cùng kỳ.

Bưu chính, viễn thông: Thực hiện thẩm định, cấp 18 giấy phép thuộc lĩnh vực báo chí, xuất bản, gồm: 02 giấy phép hợp báo; 12 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; 02 giấy phép tổ chức hội chợ triển lãm xuất bản phẩm; 02 giấy phép xuất bản bản tin. Hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai ngầm hóa cáp thông tin tại các khu dân cư; Ban quản lý dự án ODA di dời các công trình viễn thông bị ảnh hưởng, phục vụ thi công các công trình trọng điểm. Đôn đốc các doanh nghiệp viễn thông khẩn trương di dời hạ tầng kỹ thuật ảnh hưởng dự án đường cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2021 - 2025 đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ.

7. Tài chính, ngân hàng

a) Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách Nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước lũy kế thực hiện đến ngày 20 tháng 5 năm 2023 đạt 5.747,57 tỷ đồng, bằng 34,07% dự toán HĐND thành phố giao, giảm 6,91% so với cùng kỳ. Cụ thể một số khoản thu chính như sau:

Thu nội địa đạt 3.843,60 tỷ đồng, bằng 35,71% so với dự toán HĐND thành phố giao, chiếm 66,87% tổng thu và giảm 16,89% so với cùng kỳ. Trong

đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 486,41 tỷ đồng, đạt 32,21% dự toán, giảm 28,23% so với cùng kỳ; thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 917,03 tỷ đồng, đạt 42,34% dự toán, giảm 4,26% so với cùng kỳ; thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 421,09 tỷ đồng, đạt 37,43% dự toán, tăng 3,62% so với cùng kỳ.

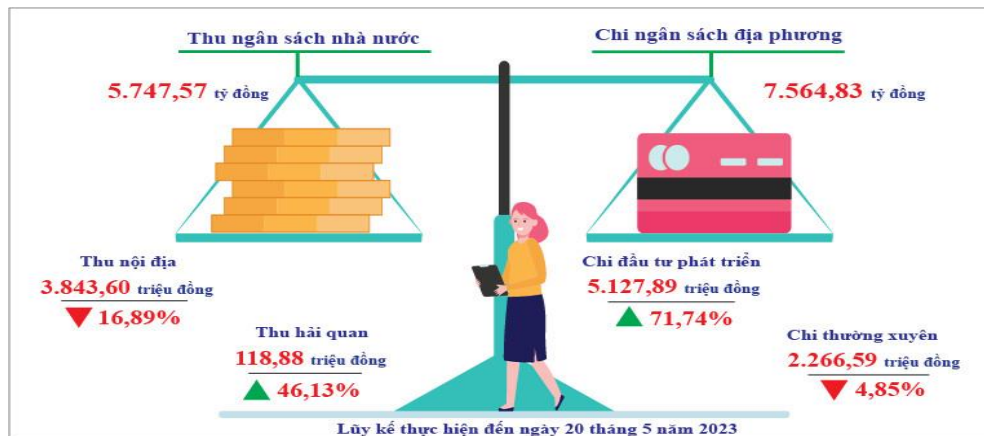
Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 118,88 tỷ đồng, bằng 42,92% so với dự toán HĐND thành phố giao, chiếm 2,07% tổng thu và tăng 46,13% so với cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương: Tổng chi ngân sách địa phương lũy kế thực hiện ngày 20 tháng 5 năm 2023 đạt 7.564,83 tỷ đồng, bằng 39,69% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 40,86% so với cùng kỳ. Trong đó:

Chi cho đầu tư phát triển đạt 5.127,89 tỷ đồng, đạt 43,31% dự toán, chiếm 67,79% tổng chi ngân sách địa phương và tăng 71,74% so với cùng kỳ.

Chi thường xuyên đạt 2.266,59 tỷ đồng, bằng 33,43% dự toán, chiếm 29,96% tổng chi ngân sách địa phương và giảm 4,85% so với cùng kỳ. Trong đó: Chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề đạt 885,84 tỷ đồng, bằng 33,81% so với dự toán và tăng 6,68% so với cùng kỳ; chi cho sự nghiệp y tế đạt 154,10 tỷ đồng, bằng 36,71% so với dự toán và tăng 3,32% so với cùng kỳ.

Hình 7. Thu chi ngân sách nhà nước (So với cùng kỳ)



b) Ngân hàng

Mặt bằng lãi suất huy động và dư nợ cho vay trong tháng tiếp tục giảm so với tháng trước. Nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay trong tháng 5/2023 tăng so với đầu năm, trong đó vốn huy động chỉ tăng 0,39%, do tiền gửi thanh toán của các tổ chức kinh tế giảm 5,93%, tiền gửi ngoại tệ giảm 34,34%, trong khi tiền gửi tiết kiệm của người dân vẫn tăng 4,08% so với đầu năm. Nợ xấu, chiếm 1,92% trên tổng dư nợ cho vay.

Vốn huy động: Đến cuối tháng 5/2023, ước đạt 105.900 tỷ đồng, tăng 0,46% so với đầu tháng, tăng 0,39% so với đầu năm, trong đó:

Vốn huy động VNĐ là 103.900 tỷ đồng, chiếm 98,11%, tăng 1,42%, ngoại tệ là 2.000 tỷ đồng, chiếm 1,89%, giảm 34,34% so với đầu năm.

Tiền gửi tiết kiệm là 67.300 tỷ đồng, chiếm 63,55%, tăng 4,08%, tiền gửi thanh toán là 37.100 tỷ đồng, chiếm 35,03%, giảm 5,93%, phát hành giấy tờ có giá là 1.500 tỷ đồng, chiếm 1,42%, tăng 7,76% so với đầu năm.

Hoạt động tín dụng: Đến tháng 5/2023, tổng dư nợ cho vay ước đạt 145.800 tỷ đồng, tăng 2,80% so đầu năm. Nợ xấu là 2.800 tỷ đồng, chiếm 1,92% tổng dư nợ.

Theo loại tiền: Dư nợ cho vay VNĐ 138.200 tỷ đồng, chiếm 94,79%, tăng 2,23% so với đầu năm, dư nợ cho vay ngoại tệ 7.600 tỷ đồng, chiếm 5,21% tổng dư nợ cho vay, tăng 14,32% so với đầu năm.

Theo thời hạn: Dư nợ cho vay ngắn hạn 88.100 tỷ đồng, chiếm 60,43%, tăng 4,38% so với đầu năm, dư nợ cho vay trung dài hạn 57.700 tỷ đồng, chiếm 39,57% tổng dư nợ cho vay, tăng 0,47% so với đầu năm.

Hình 8. Hoạt động ngân hàng (Tính đến cuối tháng 5/2023)



8. Các vấn đề xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Chuẩn bị tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2023 - 2024¹² và Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023¹³.

Tổ chức thành công các hội thi, kỳ thi, cuộc thi theo kế hoạch năm học¹⁴.

Tổ chức Hội nghị sơ kết tình hình triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học” giai đoạn 2018 - 2025; Ngày hội Giáo dục STEM và Hội nghị triển khai Giáo dục STEM cấp tiểu học thành phố Cần Thơ¹⁵.

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy tổ chức thành công Hội thảo khoa học cấp thành phố với chủ đề: “Thực trạng và giải pháp đầu tư phát triển GD&ĐT theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 01/11/2013 của Hội

¹² Sở GD&ĐT đã tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2023-2024. Căn cứ vào Quyết định 275/QĐ-UBND, Sở đã ban hành Công văn số 401/SGDĐT-GDTrH ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2023 - 2024; phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 của các CSGD.

¹³ Sở GD&ĐT đã triển khai Thông tư số 06/2023/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Công văn số 1515/BGDĐT-QLCL ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và các văn bản về tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT còn hiệu lực thi hành.

¹⁴ Kỳ thi chọn HS giỏi THPT cấp quốc gia năm 2023, kết quả 08 giải Nhì, 10 giải Ba, 07 giải Khuyến khích; Hội thi Đình - cấp quốc gia Sân chơi Trạng Nguyên Tiếng Việt năm học 2022 - 2023, kết quả 03 giải Nhất, 07 giải Ba và 01 giải Khuyến khích, Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp thành phố HS trung học năm học 2022 - 2023, kết quả 02 giải Ba;... Kỳ thi chọn HS giỏi THPT theo chương trình giáo dục THPT&GDTX cấp thành phố năm học 2022 - 2023, kết quả 24 giải Nhất, 93 giải Nhì, 135 giải Ba, 337 giải Khuyến khích;...

¹⁵ Gần 500 CBQL, GV và học sinh tham dự; 38 đại biểu tham dự từ Sở GD&ĐT tỉnh Hậu Giang, An Giang.

ngợi Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT trên địa bàn thành phố Cần Thơ” và trưng bày thành tựu giáo dục trong 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe người dân

Tình hình dịch bệnh: Tính từ ngày 15/4/2023 đến ngày 14/5/2023, Thành phố Cần Thơ ghi nhận 216 trường hợp mắc sốt xuất huyết, giảm 116 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong, lũy tích từ đầu năm đến nay ghi nhận 889 trường hợp mắc, tăng 01 trường hợp tử vong và tăng 540 trường hợp so cùng kỳ năm 2022; tay chân miệng ghi nhận 47 trường hợp mắc, giảm 10 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong, lũy tích từ đầu năm đến nay ghi nhận 173 trường hợp mắc, không có tử vong, tăng 121 trường hợp so cùng kỳ năm 2022; sởi và sốt phát ban nghi sởi không ghi nhận trường hợp mắc, không tăng giảm so với tháng trước; tiêu chảy 851 trường hợp, giảm 41,7% so với tháng trước.

Công tác phòng, chống dịch Covid-19: Trong tháng ghi nhận 99 trường hợp mắc, không có tử vong; tăng 98 trường hợp so với tháng trước, lũy tích từ đầu năm đến nay ghi nhận 102 trường hợp mắc, không có tử vong. Ngành Y tế tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới theo phương châm thích ứng an toàn, linh hoạt. Triển khai Công văn số 2216/BYT-DP ngày 12/4/2023 của Bộ Y tế về việc tăng cường công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố, tiếp tục thực hiện các hướng dẫn chuyên môn, quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế về giám sát, phòng chống và chẩn đoán điều trị Covid-19. Tiếp nhận và phân bổ 5.050 liều vắc-xin AstraZeneca từ đợt phân bổ 188 theo Quyết định số 328/QĐ-VSDTTU ngày 19/4/2023. Trình Ủy ban nhân dân thành phố tiếp nhận và phân bổ 3.100 liều vắc-xin AstraZeneca từ đợt phân bổ 189 theo Quyết định số 342/QĐ-VSDTTU ngày 25/4/2023.

Hình 9. Tình hình Covid-19 tháng 5 và 5 tháng năm 2023



Chủ động phòng chống Covid-19 tại các cơ sở giáo dục, phối hợp với các cơ sở giáo dục triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19. Trong đó, các trường chủ động tổ chức các hoạt động phòng, chống dịch bệnh theo đúng hướng dẫn của ngành y tế và báo ngay về cơ quan y tế địa phương khi có ca bệnh để kịp thời xử lý. Tổ chức, kiểm tra, rà soát các trang thiết bị phòng, chống dịch bệnh tại các cơ sở giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh rà soát, vận động các đối tượng tham gia tiêm ngừa vắc-xin phòng Covid-19, huy động sự tham gia của

chính quyền địa phương và các ban, ngành, đoàn thể. Tính đến ngày 14/5/2023, có 3.616.355 liều vắc xin phòng Covid-19 được tiêm cho người dân trên địa bàn (đạt 104% số liều được phân bổ), cơ bản hoàn thành việc tiêm đủ 02 liều cơ bản cho dân số từ 12 tuổi trở lên và mũi 1 cho trẻ từ 5 - 11 tuổi. Tỷ lệ tiêm mũi 3, 4 cho người dân từ 18 tuổi trở lên lần lượt đạt 77,6% và 88,3%. Tỷ lệ trẻ từ 12 đến 17 tuổi tiêm mũi 3 đạt 72,9%. Tỷ lệ trẻ từ 5 - 11 tuổi được tiêm mũi 2 là 100%.

Công tác y tế dự phòng khác: Triển khai Công văn số 1465/UBND-KGVX ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống đại trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2022 - 2030. Phối hợp với Thành đoàn Cần Thơ thực hiện công tác diệt muỗi, diệt lăng quăng phòng, chống sốt xuất huyết và các hoạt động hưởng ứng Ngày ASEAN phòng, chống sốt xuất huyết lần thứ 13 trên địa bàn thành phố.

Công tác phòng, chống HIV/AIDS: Lũy tích số người nhiễm HIV phát hiện được là 7.371 trường hợp. Trong đó, tử vong 2.705 trường hợp, số nhiễm HIV còn sống 4.666 trường hợp. Điều trị ARV cho 4.958 trường hợp, điều trị Methadone cho 309 trường hợp.

Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm: Trong tháng không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn thành phố.

c) Văn hóa, thể dục, thể thao (VHTTDL)

Văn hóa: Tuyên truyền cổ động và tổ chức các hoạt động VHTTDL kỷ niệm ngày lễ, sự kiện của đất nước và thành phố¹⁶.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Ban hành Kế hoạch tuyên truyền cổ động về Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2023. Dự Lễ công bố Quyết định của UBND thành phố công nhận xã Trường Long, huyện Phong Điền; xã Định Môn, huyện Thới Lai đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022. Phối hợp Báo Cần Thơ thực hiện trang “Văn hóa cơ sở” 04 kỳ và phát hành 599 tờ báo đến ấp, khu vực. Phối hợp Đài PTTH Cần Thơ thực hiện chương trình Chuyện văn hóa 02 kỳ phát trên sóng truyền hình thành phố Cần Thơ.

Thư viện: Mạng lưới thư viện công cộng toàn thành phố phục vụ 330.727 lượt bạn đọc và 677.540 lượt tài nguyên thông tin. Tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần thứ hai, nhằm khuyến khích và phát triển phong trào đọc sách trong cộng đồng. Tham gia Hội sách thành phố Cần Thơ lần thứ IV năm 2023 chủ đề “Sách: Nhận thức - Đổi mới - Sáng tạo”; “Sách cho tôi, cho bạn” do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức tại Thư viện thành phố. Tổ chức triển lãm sách chuyên đề “Cần Thơ với bản sắc văn hóa sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long”. Tính từ đầu năm đến nay hệ thống thư viện công cộng toàn thành phố bổ sung 5.034 bản sách, đạt 17% kế hoạch năm; phục vụ 1.426.681 lượt bạn đọc, đạt 48% kế hoạch năm.

Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa: Tổ chức phục vụ khách tham quan tại Bảo tàng thành phố, di tích lịch sử Khâm lớn Cần Thơ, Đền thờ Vua Hùng thành

¹⁶ Giỗ Tổ Hùng Vương; Lễ hội Bánh dân gian Nam bộ lần thứ X năm 2023; kỷ niệm 48 năm Ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2023), Ngày Quốc tế Lao động (01/5) và 133 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2023).

phố Cần Thơ thu hút: 63.724 lượt khách. Thực hiện công tác giáo dục truyền thống và di sản văn hóa trong học đường năm học 2022 - 2023¹⁷. Tổ chức phục vụ Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương năm 2023; trưng bày chuyên đề Thời đại Hùng Vương và Văn hóa Đông Sơn phục vụ khách tham quan tại Đền thờ Vua Hùng. Phối hợp Ban Tôn giáo thành phố Cần Thơ thực hiện lập hồ sơ di tích là cơ sở tín ngưỡng tôn giáo có đủ tiêu chí xếp hạng thuộc danh mục kiểm kê được UBND thành phố phê duyệt.

Hoạt động nghệ thuật (liên hoan, hội thi, hội diễn): Tổ chức Liên hoan “Đồn ca tài tử thành phố Cần Thơ” lần thứ IX năm 2023, tại Đền Thờ Vua Hùng, kết quả trao 63 giải.

Nhà hát Tây Đô: Tính từ đầu năm đến nay đã tổ chức biểu diễn 44 suất, đạt 88% kế hoạch năm và phục vụ khoảng 26.360 lượt người xem, đạt 105% kế hoạch năm.

Thể dục, thể thao (TDTT) quần chúng: Ban hành Kế hoạch tổ chức Lễ phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2023; Kế hoạch tuyên truyền, cổ động trực quan Chương trình bơi an toàn, phòng chống đuối nước trẻ em trên địa bàn thành phố năm 2023. Tổ chức giải Kéo co - Đẩy gậy thành phố Cần Thơ năm 2023. Tổ chức Lễ hội Khinh khí cầu năm 2023 “Bay lên Cần Thơ! Tự hào quê hương gạo trắng nước trong”. Liên đoàn Cầu lông tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2023 - 2027 (07/5/2023).

Thể thao thành tích cao: Phối hợp tổ chức cuộc đua Xe đạp toàn quốc tranh Cúp Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 35-2023 “Non sông liền một dải” (lộ trình tại thành phố Cần Thơ) từ ngày 24/4 đến ngày 27/4/2023. Phối hợp Ủy ban Olympic Việt Nam tổ chức Khóa học Quản lý thể thao năm 2023.

d) Chính sách lao động - xã hội

Lĩnh vực lao động: Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ đã thực hiện tư vấn việc làm, chính sách việc làm và học nghề cho 11.600 lượt người, giới thiệu việc làm trong và ngoài nước cho 1.134 lượt người, cung ứng lao động trong và ngoài nước cho 215 lượt người; thông qua các hình thức như: Giới thiệu qua email, tổng đài điện thoại, nhóm Quản trị nhân sự Cần Thơ, mạng xã hội Zalo và Facebook của Trung tâm, Cổng thông tin Việc làm Cần Thơ, trực tiếp tại Ngày Gặp gỡ nhà tuyển dụng, Ngày hội việc làm Trường Đại học Cần Thơ, các Điểm tư vấn việc làm cho học sinh, sinh viên các trường. Trung tâm đã thực hiện thu thập 1.132 chỗ việc làm trống của doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng thông qua khảo sát, cập nhật từ các kênh tuyển dụng của các doanh nghiệp. Thu thập thông tin của 341 lượt lao động có nhu cầu tìm việc cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm thống kê thực trạng thị trường lao động do Trung tâm quản lý. Hỗ trợ 1.323 người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

¹⁷ Hướng dẫn 6.173 lượt học sinh, sinh viên, đoàn viên tham quan, học tập tại di tích lịch sử Khâm lớn Cần Thơ và Đền thờ Vua Hùng thành phố Cần Thơ. Tổ chức sinh hoạt tại 04 trường trong đó triển khai thực hiện: 05 Chương trình đề án Xây dựng Người Cần Thơ “Trí tuệ - Năng động - Nhân ái - Hào hiệp” tại 05 trường địa bàn thành phố Cần Thơ; gửi 18 lượt bài tuyên truyền, thu hút 25.358 lượt giáo viên và học sinh).

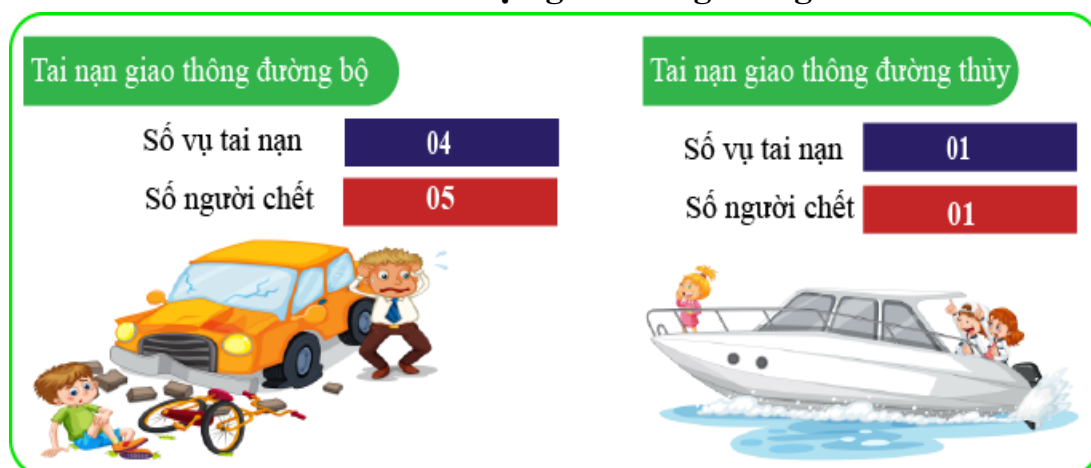
Thực hiện chính sách Người có công: Toàn thành phố hiện có 5.232 đối tượng, người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi thường xuyên với tổng kinh phí hơn 09 tỷ đồng; trong đó có 26 Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, tất cả các Mẹ đều đã được các đơn vị nhận phụng dưỡng.

Lĩnh vực xã hội: Thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội ngoài cộng đồng với số lượng 40.993 đối tượng, tổng số tiền hơn 23,5 tỷ đồng.

e) Tình hình tai nạn giao thông và cháy nổ

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ (từ ngày 15/4/2023 đến ngày 14/5/2023) đã xảy ra 05 vụ tai nạn giao thông, gồm: 04 vụ đường bộ, giảm 02 vụ so với cùng kỳ và 01 vụ đường thủy, tăng 01 vụ so với cùng kỳ; chết 06 người (05 người đường bộ, giảm 01 người so với cùng kỳ và 01 người đường thủy tương đương so với cùng kỳ). Tính chung 5 tháng/2023, xảy ra 24 vụ tai nạn giao thông, trong đó 22 vụ đường bộ và 02 vụ đường thủy.

Hình 10. Tình hình tai nạn giao thông tháng 5/2023



Tình hình cháy, nổ tháng 5/2023 (từ ngày 15/4/2023 đến 14/5/2023) trên địa bàn thành phố Cần Thơ không xảy ra vụ cháy, vụ nổ. So với cùng kỳ, tương đương (không xảy ra vụ cháy, nổ). Lũy kế 5 tháng số vụ cháy là 01 vụ, không xảy ra vụ nổ; giảm 07 vụ cháy so với cùng kỳ./.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp & PBTTTK;
- Thành ủy, UBND TP Cần Thơ;
- CTK các tỉnh ĐBSCL và các TP T.thuộc TW;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn TP Cần Thơ;
- Cơ quan Thông tấn, báo chí;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Ban Lãnh đạo Cục (đề b/cáo);
- Các phòng nghiệp vụ thuộc Cục Thống kê;
- Chi cục Thống kê các khu vực và Chi cục Thống kê quận Ninh Kiều;
- Website Cục Thống kê;
- Phần mềm quản lý tài liệu;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Lê Ngọc Bảy

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 tháng năm 2023

	Đơn vị tính	Ước tính 5 tháng năm 2023	5 tháng năm 2023 so cùng kỳ năm 2022 (%)
1 Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	102,98
2 Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Triệu đồng	2.570.425	167,86
3 Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Triệu đồng	48.375.961	113,47
4 Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	-	101,38
5 Doanh thu hoạt động ngành vận tải	Triệu đồng	1.210.160	116,34
6 Tổng thu ngân sách nhà nước (Lũy kế đến ngày 20/5/2023)	Triệu đồng	5.747.575	93,09
7 Tổng chi ngân sách địa phương (Lũy kế đến ngày 20/5/2023)	Triệu đồng	7.564.825	140,86

2. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 5 năm 2023

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng cây hàng năm			
Lúa	149.052	147.984	99,28
Lúa đông xuân	76.039	75.028	98,67
Lúa hè thu	73.013	72.956	99,92
Các loại cây khác	10.536	9.297	88,24
Ngô	581	551	94,84
Rau, đậu các loại	7.587	7.199	94,89
Cây màu khác	2.368	1.547	65,33

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp

				%
	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ trước kỳ báo cáo	Ước tính kỳ báo cáo so với kỳ trước	Ước tính kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	93,79	111,25	109,61	102,98
Khai khoáng	-	-	-	-
Khai thác than cứng và than non	-	-	-	-
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-	-	-	-
Khai thác quặng kim loại	-	-	-	-
Khai khoáng khác	-	-	-	-
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo	99,15	107,61	107,81	103,59
Sản xuất chế biến thực phẩm	101,51	105,32	104,13	103,40
Sản xuất đồ uống	85,95	138,87	110,67	99,41
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	80,83	132,21	131,54	108,70
Dệt	79,42	109,38	94,35	92,75
Sản xuất trang phục	83,88	188,03	142,42	101,57
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	151,62	102,13	152,14	145,23
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế);	...	...	...	...
sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	...	...	...	...
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	276,15	91,76	293,36	73,25
In, sao chép bản ghi các loại	89,45	105,16	98,01	98,31
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	...	310,75	325,15	104,63
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	108,41	102,52	97,74	103,04
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	76,24	107,60	118,48	93,54
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	107,18	100,63	108,93	110,04
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	97,84	101,44	99,95	105,63
Sản xuất kim loại	119,73	139,20	168,92	133,10
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	218,20	96,82	269,82	176,05
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	...	...	...	...
Sản xuất thiết bị điện	...	...	...	...
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	38,89	110,70	31,74	49,24
Sản xuất xe có động cơ	...	...	...	...
Sản xuất phương tiện vận tải khác	...	...	...	...
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	103,41	106,48	109,53	109,57
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	106,24	111,64	106,75	110,31
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	...	...	...	...
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	74,00	129,87	117,66	100,74
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	91,30	107,57	110,47	102,62
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	104,72	97,26	104,16	107,85
Thoát nước và xử lý nước thải	...	...	...	...
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	82,74	115,90	115,20	99,46
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	...	...	...	...

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Tên sản phẩm						
(Theo ngành sản phẩm mới)						
- Phi lê đông lạnh	Tấn	18.774	20.019	94.777	104,42	104,03
- Tôm đông lạnh	Tấn	2.101	2.278	9.634	76,15	64,87
- Xay xát gạo	Tấn	353.714	369.048	1.670.344	124,40	127,72
- Thức ăn gia súc	Tấn	35.185	37.100	162.341	129,31	108,52
- Thức ăn thủy sản	Tấn	68.873	76.811	359.818	101,04	101,65
- Bia đóng lon	1.000 Lít	1.324	2.840	15.356	90,56	80,39
- Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1.000 Lít	19.949	24.783	105.449	112,25	100,31
- Nước yến và nước bổ dưỡng khác	1.000 Lít	51	1.344	5.162	127	146,61
- Thuốc lá có đầu lọc	1.000 Bao	7.486	9.897	46.695	131,54	108,70
- Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1.000 Cái	3.308	3.500	13.310	97,01	86,88
- Quần áo may sẵn	1.000 Cái	314	632	1.776	207,21	123,93
- Phân khoáng và phân hóa học NPK	Tấn	100	222	437	284,62	101,86
- Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 chiếc	3.937	3.606	16.960	391,11	71,41
- Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu viên	726	791	3.362	113,00	87,01
- Bao và túi (kể cả loại hình nan) từ plastic khác	Tấn	529	517	2.516	106,41	88,33
- Xi măng	1.000 Tấn	150	152	729	99,22	105,45
- Sắt thép	Tấn	6.469	6.295	97,31	168,92	133,10
- Đinh, đinh mũ, ghim dập	Tấn	1.410	1.365	5.136	269,82	176,05
- Điện thương phẩm	Triệu KWh	263	265	1.197	110,03	107,92
- Nước uống được	1.000 M3	4.796	4.665	22.640	104,16	107,85
- Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Tấn	17.121	17.898	67.273	193,67	145,98

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện tháng 4 năm 2023	Ước tính tháng 5 năm 2023	Ước tính 5 tháng năm 2023	Triệu đồng; %	
					So với cùng kỳ năm trước	
					Tháng 5 năm 2023	5 tháng năm 2023
TỔNG SỐ	7.998.615	551.294	608.193	2.570.425	180,88	167,86
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	6.111.741	368.101	416.890	1.618.368	211,29	176,95
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	939.061	87.865	103.698	365.542	238,09	276,49
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	247.000	9.073	12.930	44.925	216,29	149,09
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	1.762.700	110.872	120.554	547.931	295,37	440,40
Vốn nước ngoài (ODA)	341.621	7.142	8.281	41.684	30,80	36,60
Xổ số kiến thiết	990.000	64.811	70.367	376.940	149,53	103,70
Vốn khác	2.078.359	97.411	113.990	286.271	292,31	158,53
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	1.886.874	183.193	191.303	952.057	137,69	154,39
Vốn cân đối ngân sách huyện	1.226.874	109.149	112.671	571.510	165,02	161,14
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	453.000	62.568	58.750	269.429	266,22	226,86
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	660.000	74.044	78.632	380.547	111,29	145,24
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-	-
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-	-
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-

6. Số dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới

<i>Dự án</i>			
	Số dự án cấp phép mới tháng 4/2023	Số dự án cấp phép mới tháng 5/2023	Lũy kế số dự án cấp phép mới từ đầu năm đến tháng 5/2023
TỔNG SỐ	-	-	1
Phân theo ngành kinh tế			
Giáo dục đào tạo	-	-	1
Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ			
Singapore	-	-	1

7. Vốn đăng ký và vốn bổ sung của dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới

<i>Triệu USD</i>			
	Số vốn tháng 4/2023	Số vốn tháng 5/2023	Lũy kế vốn từ đầu năm đến tháng 5/2023
TỔNG SỐ	-	-	0,04
Phân theo ngành kinh tế			
Giáo dục đào tạo	-	-	0,04
Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ			
Singapore	-	-	0,04

8. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

	Triệu đồng				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	6.932.382	7.204.808	35.394.216	108,33	109,77
Lương thực, thực phẩm	2.356.194	2.416.218	12.175.662	110,94	110,70
Hàng may mặc	223.082	236.165	1.141.196	115,65	113,84
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	752.378	779.004	3.639.870	123,89	112,19
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	113.935	118.796	590.581	109,58	111,72
Gỗ và vật liệu xây dựng	706.748	746.536	3.599.057	94,31	103,74
Ô tô các loại	695.627	730.856	3.481.308	111,36	101,78
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	371.278	393.899	2.010.115	102,98	119,42
Xăng, dầu các loại	707.298	722.092	3.606.006	103,58	103,55
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	79.608	80.383	422.215	107,29	121,29
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	424.288	446.056	2.288.667	82,26	96,56
Hàng hóa khác	179.390	187.927	867.895	156,57	174,32
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	322.556	346.877	1.571.643	129,88	131,17

9. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

	Triệu đồng				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.380.077	1.442.105	6.624.984	151,50	146,42
Dịch vụ lưu trú	191.733	194.542	829.037	219,20	220,28
Dịch vụ ăn uống	1.188.344	1.247.563	5.795.948	144,54	139,72
Du lịch lữ hành	26.955	31.785	124.979	134,70	132,55
Dịch vụ khác	1.257.854	1.379.215	6.231.781	112,13	108,01

10. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 5/2023 so với:				%
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	Bình quân cùng kỳ
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	108,57	100,62	100,69	99,87	101,38
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	113,59	102,68	100,24	100,00	102,52
Trong đó:					
Lương thực	114,88	103,99	102,07	100,15	103,46
Thực phẩm	112,48	102,03	99,66	99,96	102,08
Ăn uống ngoài gia đình	114,76	103,44	100,49	100,05	103,00
Đồ uống và thuốc lá	108,24	101,78	102,09	100,75	101,24
May mặc, mũ nón và giày dép	104,90	100,10	101,64	99,98	102,25
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	107,82	100,09	100,37	100,66	100,83
Thiết bị và đồ dùng gia đình	109,64	103,22	101,70	100,88	103,04
Thuốc và dịch vụ y tế	100,87	100,37	100,32	100,00	100,43
Trong đó: Dịch vụ y tế	100,88	100,38	100,38	100,00	100,38
Giao thông	107,59	88,15	100,71	96,42	94,17
Bưu chính viễn thông	96,85	98,79	99,36	99,44	98,99
Giáo dục	101,67	105,60	100,21	100,11	105,62
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	100,03	105,54	100,00	100,00	105,72
Văn hoá, giải trí và du lịch	98,59	101,63	101,69	100,14	101,52
Hàng hóa và dịch vụ khác	111,54	103,84	103,08	100,05	103,74
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	142,65	105,39	106,11	99,05	102,49
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	99,53	100,11	100,91	100,69	99,27

11. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

	Triệu đồng				
	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	245.099,76	1.210.159,93	102,59	113,25	116,34
Vận tải hành khách	101.309,83	408.528,15	98,83	119,47	136,40
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	3.513,00	16.996,76	48,26	-	-
Đường thủy nội địa	4.631,45	21.445,43	101,31	104,37	114,71
Đường bộ	93.165,38	370.085,96	102,77	115,93	131,79
Hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	91.292,46	558.684,53	106,31	109,10	108,99
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	3.586,52	15.028,62	108,46	-	-
Đường thủy nội địa	4.232,53	82.872,65	102,77	104,39	111,42
Đường bộ	83.473,41	460.783,26	106,41	104,84	105,15
Hàng không	-	-	-	-	-
Kho bãi, DV hỗ trợ vận tải	47.770,20	215.850,27	105,07	111,33	106,98
Bưu chính, chuyển phát	4.727,27	27.096,98	93,33	93,68	102,93

12. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.440,54	7.888,36	99,94	106,32	122,66
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	4,64	25,59	49,95	-	-
Đường thủy nội địa	805,54	4.237,28	100,28	101,43	113,62
Đường bộ	630,36	3.625,48	100,24	112,41	134,19
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	120.167,71	676.339,13	99,93	122,02	115,37
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	839,60	4.633,57	49,94	-	-
Đường thủy nội địa	4.415,05	34.843,32	100,35	102,69	118,07
Đường bộ	114.913,06	636.862,24	100,65	122,01	114,39
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	385,07	2.534,93	104,08	107,83	109,11
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	8,13	34,03	108,63	-	-
Đường thủy nội địa	28,41	650,04	103,03	102,98	109,08
Đường bộ	348,54	372.293,35	106,39	0,03	107,15
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	58.955,32	372.293,35	106,39	118,00	110,93
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	6.678,81	27.977,79	108,46	-	-
Đường thủy nội địa	6.984,37	109.823,50	102,60	101,80	104,02
Đường bộ	45.292,14	234.492,06	106,70	105,09	101,93
Hàng không	-	-	-	-	-

13. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

	Triệu đồng				
	TH 4 tháng năm 2023	TH 20 ngày tháng 5 năm 2023	Lũy kế TH đến 20 ngày tháng 5 năm 2023	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2023 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
Tổng thu NSNN trên địa bàn	4.782.459	965.116	5.747.575	34,07	93,09
A. Thu NSNN theo dự toán được giao (I+II)	3.702.352	260.130	3.962.482	35,90	84,20
I. Thu nội địa	3.593.055	250.549	3.843.604	35,71	83,11
1. Thu từ DNNN	463.126	23.285	486.410	32,21	71,77
2. Thu từ DN có vốn ĐTNN	368.095	52.992	421.087	37,43	103,62
3. Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài nhà nước	875.832	41.195	917.027	42,34	95,74
4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	6,30	-	6,30	-	100,00
5. Thuế thu nhập cá nhân	541.367	34.466	575.833	58,16	87,71
6. Lệ phí trước bạ	152.482	20.030	172.512	34,50	88,25
7. Thuế bảo vệ môi trường	193.195	13.447	206.642	13,91	30,50
8. Thu phí, lệ phí	83.652	5.699	89.351	48,30	99,42
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	24.511	1.067	25.578	85,26	148,12
10. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	6.213	8.080	14.293	8,17	33,58
11. Tiền sử dụng đất	176.884	33.412	210.295	30,04	99,04
12. Thu tiền bán nhà, KH, thuê nhà thuộc SHNN	1.942	1.104	3.046	6,09	93,84
13. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	864	722	1.586	19,83	135,79
14. Thu khác ngân sách	108.943	12.730	121.673	69,53	146,24
15. Thu cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-
16. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	595.944	2.322	598.266	36,26	99,12
II. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	109.297	9.581	118.878	42,92	146,13
B. Thu vay để bù đắp bội chi theo hạn mức được duyệt	202.363	-	202.363	15,23	1.468,10
C. Các khoản huy động, đóng góp	3.363	8	3.371	-	52,81
D. Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW	705.919	704.894	1.410.813	39,36	97,57
E. Thu hoàn trả các cấp ngân sách	168.462	84	168.546	-	7.324,90

14. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

	Triệu đồng				
	TH 4 tháng năm 2023	TH 20 ngày tháng 5 năm 2023	Lũy kế TH đến 20 ngày tháng 5 năm 2023	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2023 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
Tổng chi ngân sách địa phương	7.011.916	552.910	7.564.825	39,69	140,86
I. Chi đầu tư phát triển	4.939.609	188.285	5.127.894	43,31	171,74
II. Chi thường xuyên	1.902.052	364.540	2.266.592	33,43	95,15
Trong đó:					
- Chi quốc phòng và an ninh:	64.673	11.895	76.568	35,14	88,87
+ Quốc phòng	54.626	10.499	65.125	37,96	94,47
+ An Ninh	10.047	1.396	11.443	24,72	66,46
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	710.816	175.025	885.841	33,81	106,68
- Sự nghiệp y tế	126.858	27.246	154.104	36,71	103,32
- Chi đảm bảo xã hội	209.226	31.604	240.830	56,38	102,75
- Chi quản lý hành chính	268.331	32.572	300.903	35,94	99,00
- Chi khác ngân sách	83.931	1.203	85.134	23,34	58,20
- Chi ngân sách xã	199.109	40.975	240.084	38,95	62,66
III. Dự phòng ngân sách	-	-	-	-	-
VI. Chi trả nợ lãi	1.793	-	1.793	2,92	1.093,29
IV. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	168.462	85	168.547	-	7.324,92

15. Trật tự, an toàn xã hội

	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông					
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	5	24	55,56	83,33	80,00
Đường bộ	4	22	44,44	66,67	73,33
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	1	2	-	-	-
Số người chết (Người)	6	24	66,67	100,00	88,89
Đường bộ	5	22	55,56	83,33	81,48
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	1	2	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	1	-	-	10,00
Đường bộ	-	1	-	-	10,00
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Cháy, nổ					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	-	1	-	-	12,50
Số người chết (Người)	-	1	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	1	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	-	-	-	-	-

(Từ ngày 15/4/2023 đến ngày 14/5/2023)